

Số: 204/2022/QĐST-HNGĐ

Thành phố H, ngày 10 tháng 5 năm 2022.

**QUYẾT ĐỊNH**  
**CÔNG NHẬN THUẬN TÌNH LY HÔN**  
**VÀ SỰ THỎA THUẬN CỦA CÁC ĐƯƠNG SỰ**  
**TÒA ÁN NHÂN DÂN THÀNH PHỐ H, TỈNH T T H**

Căn cứ Điều 212, Điều 213, Khoản 4 Điều 397 Bộ luật Tố tụng dân sự;  
Căn cứ Điều 55, Điều 57, Điều 58, Điều 110 và 116 Luật Hôn nhân và Gia đình;

Căn cứ Luật Phí và Lệ phí năm 2015;

Căn cứ Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30-12-2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án;

Sau khi nghiên cứu hồ sơ việc dân sự thụ lý số 147/2022/TLST-HNGĐ ngày 21 tháng 3 năm 2022 về việc yêu cầu công nhận thuận tình ly hôn, gồm những người tham gia tố tụng sau đây:

- *Người yêu cầu giải quyết việc dân sự:*

*Người yêu cầu:* **Anh Trương Đình V**, sinh năm 1984

Địa chỉ: 6/266 Phan Chu Trinh, phường An Cựu, Thành phố H, tỉnh T T H.

*Người yêu cầu:* **Chị Đoàn Thị Bích T**, sinh năm 1990

Địa chỉ: 27/20/266 Phan Chu Trinh, phường An Cựu, Thành phố H, tỉnh T T H.

**NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:**

[1]. Tại Biên bản hoà giải đoàn tụ không thành ngày 28/4/2022, các bên đương sự đã thống nhất thuận tình ly hôn và thỏa thuận được với nhau về con chung, tài sản chung và nợ chung khi ly hôn.

[2]. Việc thuận tình ly hôn và thỏa thuận của các đương sự là hoàn toàn tự nguyện và phù hợp với quy định của pháp luật.

Đã hết thời hạn 07 ngày, kể từ ngày lập Biên bản hoà giải đoàn tụ không thành, không có đương sự nào thay đổi ý kiến về sự thỏa thuận đó.

## **QUYẾT ĐỊNH:**

**1. Công nhận thuận tình ly hôn và sự thoả thuận của các đương sự cụ thể như sau:**

1.1. Về quan hệ hôn nhân: Anh Trương Đình V và chị Đoàn Thị Bích T thuận tình ly hôn.

1.2. Về con chung: Anh Trương Đình V và chị Đoàn Thị Bích T công nhận vợ chồng có 02 con chung là cháu Trương Ngọc Đan Thư, sinh ngày 29/3/2016 và cháu Trương Đình Anh Quân, sinh ngày 23/3/2021. Hiện nay cả hai con chung đang ở với chị T. Nay thuận tình ly hôn, anh V và chị T thỏa thuận giao 02 con chung cho chị T trực tiếp chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục. Chị T không yêu cầu anh V cấp dưỡng tiền nuôi con hàng tháng.

Sau khi ly hôn, người không trực tiếp nuôi con có quyền, nghĩa vụ thăm nom con chung mà không ai được cản trở.

1.3. Về tài sản chung: Anh V và chị T tự thỏa thuận về tài sản chung, không yêu cầu Tòa án giải quyết.

1.4. Về nợ chung: Anh V và chị T xác nhận không có nợ chung, không yêu cầu Tòa án giải quyết.

### **2. Về lệ phí giải quyết việc dân sự:**

Anh Trương Đình V và chị Đoàn Thị Bích T mỗi bên phải chịu 150.000 đồng lệ phí giải quyết việc Hôn nhân và gia đình. Anh V tự nguyện chịu toàn bộ 300.000 đồng lệ phí giải quyết việc Hôn nhân và gia đình của hai người. Anh V đã nộp đủ 300.000 đồng tại Biên lai thu tạm ứng án phí, lệ phí Tòa án số 0003081 ngày 21/3/2022 của Chi cục Thi hành án Dân sự Thành phố H nên được khấu trừ, khỏi phải nộp.

**3. Quyết định này có hiệu lực pháp luật ngay sau khi được ban hành và không bị kháng cáo, kháng nghị theo thủ tục phúc thẩm.**

Trường hợp quyết định được thi hành theo Điều 2 Luật Thi hành án Dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền yêu cầu thi hành án, thỏa thuận thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7, 7a và 9 Luật Thi hành án dân sự. Thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật Thi hành án dân sự.

### **Nơi nhận:**

- Đương sự;
- Viện kiểm sát nhân dân Thành phố H;
- Ủy ban nhân dân phường An Cựu, tp Huế (số 144, đăng ký ngày 05/10/2015);
- Chi cục Thi hành án Dân sự Thành phố H;
- Lưu Tổ Hành chính – Tư pháp;
- Lưu: Hồ sơ việc dân sự.

**THẨM PHÁN**

**Lê Thị Tú Loan**

